

Bản án số: 49/2025/HS-PT
Ngày 13 tháng 01 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh;

Ông Nguyễn Văn Khương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Kim Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 903/2024/TLPT-HS ngày 03 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Lê Văn K và các bị cáo khác; Do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Bị cáo:**

1/. Lê Văn K, sinh ngày 31/12/1979 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. Giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: chuyên viên Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện V. Nguyên Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện V; con ông Lê Văn Ú (chết) và bà Nguyễn Thị C (chết); anh, chị ruột có 09 người; có vợ là Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1979; con có 02 người, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2023 cho đến nay. Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

2/. Phạm Văn P, sinh ngày 10/11/1982 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ. Giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: nguyên viên chức Trung tâm phát triển quỹ đất huyện V (nay là Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện V); con ông Phạm Văn Đ (sống) và bà Cao Thị Đ1 (sống); em ruột có 04 người; có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1987. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị

bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2023 cho đến nay. Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

3/. Trần Thanh L, sinh ngày 07/01/1975 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ. Giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: công chức. Nguyên Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V; con ông Trần Trọng Q (chết) và bà Trương Thị P1 (chết); anh, chị, em có 07 người; có vợ là Đặng Thu N, sinh năm 1982; con có 02 người, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2023 cho đến nay. Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

4/. Trần Ngọc H1, sinh ngày 20/01/1957 tại Quảng Trị. Nơi cư trú: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ. Giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: cán bộ hưu trí. Nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V; con ông Trần Ngọc T1 (chết) và bà Nguyễn Thị N1 (sống); em ruột có 08 người; có vợ là Nguyễn Thị Ngọc C1, sinh năm 1959; con có 02 người, lớn sinh năm 1982, nhỏ sinh năm 1986. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2023 cho đến nay. Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:*

1/. Ông Đoàn Thái H2, sinh năm 1963. (có mặt)

Địa chỉ: số G đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2/. Bà Dương Thị Thu S, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: F đường B, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị Thu S:

+ Ông Lê Tuấn K1 (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Huy K2 (có mặt)

+ Bà Phan Nguyễn Hoa T2 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: A T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, trong quá trình triển khai thực hiện 03 dự án xây dựng Trường Tiểu học T3 (T3), Trường Trung học cơ sở T4 (THCS T4), Trường Trung học cơ sở V (THCS V) thuộc huyện V, Trần Thanh L, Lê Văn K, Phạm Văn P được giao nhiệm vụ tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện V (UBND huyện V) bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với 03 hộ gia đình có đất bị thu hồi sai quy định, Trần Ngọc H1 thiếu trách nhiệm trong công tác để xảy ra vi phạm, gây thiệt hại cho Nhà nước tổng số tiền là 3.988.836.000 đồng.

Hành vi phạm tội cụ thể như sau:

Ngày 20/8/2013, UBND huyện V ban hành Quyết định số 2300A/QĐ-UBND và Quyết định số 2301A/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình Trường T3 và Trường THCS T4, giao chủ đầu tư thực hiện là Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Vĩnh Thạnh.

Ngày 13/10/2014, UBND huyện V ban hành Quyết định số 2623A/QĐ-UBND về việc thay đổi chủ đầu tư và hình thức quản lý dự án các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện. Chủ đầu tư là UBND huyện V. Đơn vị triển khai thực hiện dự án là Ban quản lý dự án huyện V, gồm: Trường T3, Trường THCS T4.

Ngày 29/10/2014, UBND huyện V ban hành Quyết định số 2823/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Trường THCS V, giao chủ đầu tư là UBND huyện V. Đơn vị triển khai thực hiện dự án là Ban quản lý dự án huyện V.

Để triển khai thực hiện các dự án, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 3543/QĐ-UBND và số 3544/QĐ-UBND cùng ngày 09/9/2015 và Quyết định số 3944/QĐ-UBND ngày 05/10/2015 về việc thành lập Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các công trình xây dựng Trường T3, Trường THCS T4 và Trường THCS V (Hội đồng Bồi thường). Thành phần Hội đồng Bồi thường gồm: ông Trần Ngọc H1, Phó Chủ tịch UBND huyện - Chủ tịch Hội đồng Bồi thường; ông Lê Văn K, Giám đốc TTPTQĐ huyện - Phó Chủ tịch Hội đồng Bồi thường; Ủy viên có Trần Thanh L và các ủy viên và thư ký là Trưởng các phòng ban; Tổ chuyên viên giúp việc gồm có: Phạm Văn Phương, Lý Long là viên chức TTPTQĐ và Cán bộ địa chính xã T, xã V thuộc huyện V.

Hội đồng Bồi thường có nhiệm vụ, quyền hạn là tổ chức thẩm tra hồ sơ, khảo sát lập phương án đền bù thiệt hại, giải phóng mặt bằng; hỗ trợ, tạo điều kiện cho chủ đầu tư tổ chức chi trả tiền đền bù thiệt hại cho các hộ dân bị giải tỏa theo phương án đền bù được duyệt; tổ chức thực hiện công tác giải phóng mặt bằng để triển khai thi công công trình,... Tổ chuyên viên giúp việc có nhiệm vụ thực hiện các công việc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng và Phó Chủ tịch Hội đồng.

Hội đồng Thẩm định bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện V (Hội đồng Thẩm định) được thành lập theo Quyết định số 4204/QĐ ngày 27/12/2013 của Chủ tịch UBND huyện V. Hội đồng Thẩm định thực hiện công việc là thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện đối với các dự án thuộc thẩm quyền của huyện phê duyệt... Chủ tịch Hội đồng Thẩm định là ông Trần Thanh L, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V; thành viên là một số Trưởng Phòng và các chuyên viên.

Căn cứ quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng 03 công trình dự án nói trên, Ban Quản lý dự án huyện V (BQLDA huyện) do ông Lê Thanh N2 làm Giám đốc, ký 03 hợp đồng với TTPTQĐ huyện do ông Lê Văn K làm Giám đốc, nội dung hợp đồng về việc giao TTPTQĐ huyện tổ chức thực hiện

công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng đối với 03 công trình xây dựng trường học nêu trên, ba hợp đồng gồm:

- Hợp đồng số 1197A ngày 24/8/2015 về việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng công trình xây dựng Trường T3, giá trị hợp đồng là 1.256.522.659 đồng. Diện tích đất bị ảnh hưởng dự án là của ông Đoàn Thái H2 và bà Dương Thị Thu S.

- Hợp đồng số 1198A ngày 24/8/2015 về việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng công trình xây dựng Trường THCS T4, giá trị hợp đồng là 1.753.043.155 đồng. Diện tích đất bị ảnh hưởng dự án là của ông Đoàn Thái H2 và bà Dương Thị Thu S.

- Hợp đồng số 01 ngày 18/9/2015 về việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng công trình xây dựng Trường THCS V giá trị hợp đồng là 2.528.736.509 đồng. Diện tích đất bị ảnh hưởng dự án là của hộ ông Phạm Văn K3.

Sau khi ký hợp đồng, Lê Văn K phân công Phạm Văn P và Lý L1 là nhân viên của TTPTQĐ huyện, thực hiện công tác kiểm kê, xác minh tính pháp lý việc bồi thường, hỗ trợ, ... xác minh nguồn gốc sử dụng đất, đối với 03 dự án nêu trên.

Quá trình đo đạc, kiểm định đất, nhà, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi bị ảnh hưởng dự án; Lập biên bản về việc họp xét, xác định tính pháp lý về đất, nhà, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi và xét chính sách tái định cư đối với hộ gia đình, cá nhân để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại dự án và gửi các cá nhân liên quan ký xác nhận vào biên bản nhưng thực tế không tổ chức kiểm, đếm, đo đạc. Nội dung biên bản sử dụng kết quả đo đạc của Công ty L2 cung cấp. Do TTPTQĐ huyện đã hợp đồng với Công ty L2 thực hiện đo đạc hiện trạng thửa đất trước khi TTPTQĐ huyện ký hợp đồng với BQLDA huyện.

Sau khi tiến hành các thủ tục, ngày 16/9/2015 và ngày 12/10/2015 Hội đồng bồi thường họp, TTPTQĐ huyện báo cáo trình Hội đồng Bồi thường về việc xét, xác định tính pháp lý về nhà, đất, vật kiến trúc, cây trồng của hộ bà S, ông H2, ông K3 bị ảnh hưởng 03 công trình xây dựng để các thành viên Hội đồng xem xét. TTPTQĐ huyện không báo cáo hộ ông Phạm Văn K3, bà Dương Thị Thu S, ông Đoàn Thái H2 về nội dung trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên phần đất bị Nhà nước thu hồi và về việc thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó theo quy định tại khoản 30 Điều 3 Luật đất đai năm 2013, thành viên Hội đồng dự họp không ai có ý kiến gì về nội dung báo cáo, nên ông Trần Ngọc H1 - Chủ tọa cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng Bồi thường kết luận: *“Về đất, thống nhất bồi thường, hỗ trợ diện đất bị thu hồi theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, loại đất LUA; thống nhất mức bồi thường hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm bằng 03 lần giá đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp. Thống nhất mức hỗ trợ để ổn định đời sống và sản xuất trong thời gian 12 tháng cho ông K3 do bị Nhà nước thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng”*.

Ngày 18/9/2015 và ngày 15/10/2015, căn cứ nội dung kết luận của Hội đồng Bồi thường, ông Lê Văn K - Giám đốc TTPTQĐ huyện ký Tờ trình gửi Hội đồng Thẩm định huyện V, xem xét trình UBND huyện phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng công trình xây dựng Trường T3, Trường THCS T4, Trường THCS V.

Căn cứ Tờ trình của Hội đồng Bồi thường, ông Trần Thanh L - Chủ tịch Hội đồng Thẩm định không tổ chức họp Hội đồng Thẩm định để thẩm định theo quy định để xét nội dung Tờ trình của Hội đồng Bồi thường trước khi trình cho UBND huyện V quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ mà tự thay mặt Hội đồng Thẩm định ký Tờ trình ngày 24/9/2015 và Tờ trình ngày 16/10/2015 tham mưu UBND huyện V ban hành Quyết định về việc thu hồi quyền sử dụng đất và quyết định về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng công trình xây dựng Trường T3, Trường THCS T4, Trường THCS V theo đề nghị của Hội đồng Bồi thường.

Căn cứ vào Tờ trình của Hội đồng Thẩm định, ngày 25/9/2015 và ngày 22/10/2015 ông Trần Ngọc H1 - Phó Chủ tịch UBND huyện V đã ký các Quyết định về việc thu hồi quyền sử dụng đất và các Quyết định về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng công trình xây dựng Trường T3, Trường THCS T4, Trường THCS V theo đề nghị của Hội đồng Bồi thường và Hội đồng Thẩm định.

Căn cứ các Quyết định về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, ngày 01/10/2015 và ngày 29/10/2015, TTPTQĐ huyện đã tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân trên.

Cụ thể, tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng công trình xây dựng Trường T3, Trường THCS T4, Trường THCS V là 5.429.708.160 đồng. Trong đó, kinh phí bồi thường là 1.425.872.160 đồng; kinh phí hỗ trợ là 3.988.836.000 đồng; thưởng giao mặt bằng là 15.000.000 đồng. Cụ thể số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với cá nhân và hộ gia đình như sau:

Bà Dương Thị Thu S và ông Đoàn Thái H2 cùng bị ảnh hưởng công trình xây dựng Trường T3, Trường THCS T4:

- Bà Dương Thị Thu S: diện tích đất bị thu hồi là 4.675,8m² đất (đất lúa là 4.002,7m²); tiền bồi thường đất là 259.374.960 đồng; tiền hỗ trợ, đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 720.486.000 đồng; thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ là 6.000.000 đồng.

- Ông Đoàn Thái H2: diện tích đất bị thu hồi 8.662,2m² đất (đất lúa 8.001,2m²) tiền bồi thường đất là 518.477.760 đồng; tiền hỗ trợ, đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 1.440.216.000 đồng; thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ là 6.000.000 đồng.

- Ông Phạm Văn K3: bị ảnh hưởng đối với công trình xây dựng Trường THCS V. Diện tích bị thu hồi là 10.000,3m² (đất lúa), tiền bồi thường đất là 648.019.440 đồng; tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là

1.800.054.000 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất là 28.080.000 đồng; thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ là 3.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, xác định bà Dương Thị Thu S, ông Đoàn Thái H2, hộ ông Phạm Văn Khinh K4 Nhà nước thu hồi đất đều không đủ điều kiện nhận hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất. Cụ thể là: Bà Dương Thị Thu S, ông Đoàn Thái H2, ông Phạm Văn K3 có nghề nghiệp ổn định, cư trú ngoài phạm vi huyện V, không trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp bị thu hồi, không có thu nhập ổn định từ việc sử dụng đất bị thu hồi. Ông Phạm Văn K3 là Chủ nhiệm Hợp tác xã T5 và là đơn vị thi công Dự án Trường THCS V; Bà Dương Thị Thu S có tham gia thành lập và điều hành hoạt động Công ty TNHH C2 tại thành phố R, đa ngành nghề; ông Đoàn Thái H2 có xe cộ và cuộc đất thuê.

Việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho 03 hộ nói trên không đúng quy định, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền là 3.988.836.000 đồng. Cụ thể, số tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà hộ S là 720.486.000 đồng; cho hộ ông H2 là 1.440.216.000 đồng; cho hộ ông K3 là 1.828.134.000 đồng.

Quá trình điều tra, Lê Văn K thừa nhận hành vi vi phạm của bản thân, thừa nhận việc không có họp mà ký tên vào các biên bản họp xét, xác định tính pháp lý về đất, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi tại 03 dự án công trình xây dựng Trường T3, Trường THCS T4, Trường THCS V; không chỉ đạo tiến hành xác minh điều kiện được hỗ trợ của các cá nhân, hộ gia đình khi Nhà nước thu hồi đất, có đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp bị thu hồi hay không, để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, là không đúng quy định pháp luật, đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, K cho rằng vi phạm đó là do K không biết rõ các văn bản quy phạm pháp luật về công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, cụ thể là quy định về việc phải có xác nhận của UBND cấp xã nơi có đất bị thu hồi là cá nhân, hộ gia đình đang trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp.

Phạm Văn P là thành viên tổ giúp việc của hội đồng bồi thường, trực tiếp thực hiện hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, nhưng P không tham mưu để tổ chức các cuộc họp xét xác định tính pháp lý về đất đối với 03 dự án công trình xây dựng Trường T3, Trường THCS T4, Trường THCS V, mà P kêu Lý L1 lập biên bản họp xét, xác định tính pháp lý về đất, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi; về thành phần tham dự và nội dung biên bản thì có file sẵn trên máy tính bàn của đơn vị, do các dự án trước cũng có lập biên bản nên chỉ chỉnh sửa lại số liệu và thông tin hộ dân, sau đó L1 in ra đưa P kiểm tra lại thông tin và trình Lê Văn K và những người có tên trong biên bản ký tên. Phạm Văn P cũng không tiến hành xác minh điều kiện được hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại UBND cấp xã nơi có đất nông nghiệp bị thu hồi, là các cá nhân, hộ gia đình có đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp bị thu hồi hay không và nơi các cá nhân cư trú, là không đúng quy định pháp luật, đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Sau đó, P còn lập không biên bản xác nhận các cá nhân, hộ gia đình đang trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp bị thu hồi đưa vào hồ sơ nhằm đối phó cơ quan Thanh tra. Trường hợp hộ

ông K3, P đã nhờ Lý L1 ghi bổ sung thêm nội dung “*Hộ ông K3 đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp*” vào trích biên bản họp ngày 24/9/2015 để hợp thức hóa hồ sơ.

Trần Thanh L thừa nhận L biết rõ về điều kiện để xét bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất là phải có xác nhận của UBND cấp xã nơi có đất bị thu hồi là trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất đất nông nghiệp. Nhưng khi tiếp nhận hồ sơ từ Hội đồng Bồi thường, L không thẩm định, không kiểm tra hồ sơ, không tiến hành họp Hội đồng Thẩm định để xem xét lại phương án bồi thường, hỗ trợ của Hội đồng Bồi thường. Chỉ căn cứ tờ trình, hồ sơ và biên bản kết luận của Hội đồng Bồi thường để tham mưu cho UBND huyện V ký các Quyết định về thu hồi quyền sử dụng đất và Quyết định về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ ông K3, ông H2, bà S không đúng đối tượng, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước.

Trần Ngọc H1 thừa nhận với vai trò là Chủ tịch Hội đồng Bồi thường đã thiếu kiểm tra, tin tưởng vào việc tham mưu của thành viên Hội đồng Bồi thường và Hội đồng Thẩm định, đã ký ban hành các Quyết định về phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho các cá nhân, hộ gia đình, dẫn đến gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Trong cuộc họp Hội đồng Bồi thường, TTPTQĐ huyện không có báo cáo kết quả xác minh về điều kiện nhận hỗ trợ của hộ ông K3, ông H2, bà S là có đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất bị thu hồi hay không, không xin ý kiến Hội đồng xem xét về điều kiện để được hỗ trợ, báo cáo 03 cá nhân trên đủ điều kiện được xét bồi thường, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, Từ đó, H1 và các thành viên trong Hội đồng Bồi thường thống nhất theo báo cáo của TTPTQĐ huyện.

Khi các dự án đang được thanh tra, Phạm Văn P đã thu hồi tổng số tiền 3.988.702.000 đồng (thiếu 134.000 đồng) hỗ trợ trái quy định. Trong đó, ông Phạm Văn K3 nộp lại số tiền được hỗ trợ là 1.828.000.000 đồng (theo phiếu thu số 01 ngày 24/5/2018 và phiếu thu số 03 ngày 25/5/2018); ông Đoàn Thái H2 nộp lại số tiền được hỗ trợ 1.440.216.000 đồng (theo phiếu thu số 04, 06 ngày 29/5/2018); bà Dương Thị Thu S nộp lại số tiền được hỗ trợ 720.486.000 đồng (theo phiếu thu số 05, 07 ngày 29/5/2018).

Ngày 06/6/2018, TTPTQĐ huyện đã nộp 3.988.836.000 đồng vào tài khoản tạm giữ chờ xử lý của Thanh tra thành phố.

Ngày 01/8/2018, Thanh tra thành phố đã chuyển số tiền 3.988.836.000 đồng trong tài khoản tạm giữ chờ xử lý vào tài khoản của Sở tài chính thành phố C (nộp tiền vào ngân sách Nhà nước).

Quá trình điều tra, chưa có căn cứ xác định K, P, L, H1 có hưởng lợi trong việc bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 09/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C ra Quyết định trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của Lý L1 trên biên bản ngày 24/9/2015 về việc họp xét, xác định tính pháp lý về đất, nhà, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi của các hộ dân để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ và tái

định cư tại dự án công trình xây dựng Trường V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Tại Kết luận giám định số 112/KL-KTHS-TL ngày 31/8/2023 của Phòng K5 Công an thành phố C, kết luận về việc giám định chữ viết - chữ ký trong vụ án “*Vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*” xảy ra tại huyện V, thành phố Cần Thơ. Kết quả chữ ký, chữ viết do cùng một người viết ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 357 và 579 Bộ luật Dân sự.

Buộc ông Đoàn Thái H2 có trách nhiệm nộp lại số tiền 1.440.216.000 đồng và buộc bà Dương Thị Thu S có trách nhiệm nộp lại số tiền 720.486.000 đồng để giao trả cho các bị cáo Lê Văn K và Phạm Văn P (trong đó bị cáo Lê Văn K được nhận lại số tiền 1.500.000.000 đồng, bị cáo Phạm Văn P được nhận lại số tiền 660.702.000 đồng).

Kể từ khi bị cáo Lê Văn K và Phạm Văn P có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông H2, bà S chậm trả số tiền trên thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo trong vụ án, về án phí, quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Đoàn Thái H2, bà Dương Thị Thu S có đơn kháng cáo đối với phần trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đoàn Thái H2, bà Dương Thị Thu S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H2, bà S nộp lại số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp được nhận không đúng quy định pháp luật để trả cho bị cáo K, bị cáo P là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Thái H2, bà Dương Thị Thu S; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Dương Thị Thu S trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không tuyên buộc bà S phải nộp lại số tiền 720.486.000 đồng hoặc tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Ông Đoàn Thái H2 trình bày gia đình ông H2 hiện tại khó khăn, không đủ điều kiện để hoàn lại số tiền 1.440.216.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo ông Đoàn Thái H2, bà Dương Thị Thu S làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Quá trình thực hiện dự án xây dựng Trường tiểu học T3, Trường Trung học cơ sở T4, Trường Trung học cơ sở V thuộc huyện V, các bị cáo Trần Thanh L, Lê Văn K, Phạm Văn P được giao nhiệm vụ tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện V thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; đã thiếu trách nhiệm trong công tác, để xảy ra vi phạm trong việc bồi thường, hỗ trợ đối với 03 hộ gia đình khi thu hồi đất, gây thiệt hại cho Nhà nước tổng số tiền là 3.988.836.000 đồng.

Cụ thể, bà Dương Thị Thu S, ông Đoàn Thái H2, ông Phạm Văn K3 có nghề nghiệp ổn định, cư trú ngoài phạm vi huyện V, không trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp bị thu hồi, không có thu nhập ổn định từ việc sử dụng đất bị thu hồi. Ông Phạm Văn K3 là Chủ nhiệm Hợp tác xã T5 và là đơn vị thi công Dự án Trường THCS V; Bà Dương Thị Thu S có tham gia thành lập và điều hành hoạt động Công ty TNHH C2 tại thành phố R, đa ngành nghề; ông Đoàn Thái H2 có xe cuốn và cuốn đất thuê. Tuy nhiên, các bị cáo đã lập hồ sơ bồi thường, trong đó hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ bà S 720.486.000 đồng; hộ ông H2 là 1.440.216.000 đồng; cho hộ ông K3 1.828.134.000 đồng trái quy định pháp luật.

Với hành vi nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Văn K, Phạm Văn P và Trần Thanh L phạm tội “*Vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*”; bị cáo Trần Ngọc H1 phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” và tuyên phạt các bị cáo hình phạt tương ứng.

[2.2] Xét kháng cáo của ông Đoàn Thái H2, bà Dương Thị Thu S

Tổng số tiền được nhận hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất đối với hộ ông Phạm Văn K3 và ông Đoàn Thái H2, bà Dương Thị Thu S là 3.988.836.000 đồng, trong đó:

- Bà Dương Thị Thu S nhận hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với số tiền là 720.486.000 đồng;

- Ông Đoàn Thái H2 nhận hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với số tiền là 1.440.216.000 đồng;

- Ông Phạm Văn K3 nhận hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với số tiền là 1.800.054.000 đồng và hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất với số tiền là 28.080.000 đồng.

Số tiền hỗ trợ trên, Ủy ban nhân dân huyện V đã chi từ ngân sách nhà nước cho ông K3, ông H2, bà S. Do số tiền hỗ trợ được thực hiện trái quy định pháp luật; ông K3, ông H2, bà S không đủ điều kiện để được nhận hỗ trợ nên ông K3, ông H2, bà S phải hoàn trả lại cho ngân sách Nhà nước.

Xét thấy, sau khi vụ án bị khởi tố, ông Phạm Văn K3, bị cáo Lê Văn K và bị cáo Phạm Văn P đã nộp khắc phục thiệt hại số tiền 3.988.836.000 đồng nêu trên. Trong đó, bị cáo Lê Văn K nộp lại số tiền 1.500.000.000 đồng, bị cáo Phạm Văn P nộp lại số tiền 660.702.000 đồng. Hiện toàn bộ số tiền trên đang được tạm giữ tại tài khoản tạm giữ của Sở Tài chính thành phố C. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án, ông Đoàn Thái H2 và bà Dương Thị Thu S đều xác định số tiền đã nộp thể hiện qua các phiếu thu số 04, 06 ngày 29/5/2018 với tên ông Đoàn Thái H2 (BL 1495-1496) và các phiếu thu số 05, 07 ngày 29/5/2018 với tên bà Dương Thị Thu S (BL 1560-1561) nộp lại trong quá trình điều tra là của bị cáo K và P. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H2, bà S nộp lại để trả cho bị cáo K, bị cáo P là có căn cứ.

Ông H2, bà S kháng cáo không đồng ý hoàn trả lại số tiền nêu trên là không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận ông Đoàn Thái H2, bà Dương Thị Thu S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Thái H2, bà Dương Thị Thu S.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 357 và 579 Bộ luật Dân sự.

Buộc ông Đoàn Thái H2 có trách nhiệm nộp lại số tiền 1.440.216.000 đồng và buộc bà Dương Thị Thu S có trách nhiệm nộp lại số tiền 720.486.000 đồng để giao trả cho các bị cáo Lê Văn K và Phạm Văn P (trong đó bị cáo Lê Văn K được nhận lại số tiền 1.500.000.000 đồng, bị cáo Phạm Văn P được nhận lại số tiền 660.702.000 đồng).

Kể từ khi bị cáo Lê Văn K và Phạm Văn P có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông H2, bà S chậm trả số tiền trên thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Ông Đoàn Thái H2, bà Dương Thị Thu S, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND thành phố Cần Thơ (5);
- VKSND thành phố Cần Thơ (1);
- Cục THADS thành phố Cần Thơ (1);
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ (1);
- Công an thành phố Cần Thơ (1);
- Trại tạm giam Công an TP Cần Thơ (5);
- NTGTT (2);
- Lưu VP(3), HS(2). 23B LTTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy